

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 01 – 2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Phạm Thị Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Phương Loan.
- Ông Hồ Huy Cường.

- Thư ký phiên toà: ông Huỳnh Tân Lộc – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên toà: bà Huỳnh Ngọc Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 236/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thiên T, sinh năm 1988; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 3, phường G, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ nơi cư trú: khu phố 1, phường G, tỉnh Tây Ninh – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp 3, phường G, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thiên T trình bày:

Chị và anh Huỳnh Thanh T1 tự nguyện chung sống từ năm 2006, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã A, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, chị và anh T1 sống chung với cha mẹ chồng tại ấp 3, phường G, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 thường xuyên có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, không tu

chí làm ăn và gây nợ nần nhiều lần. Cha mẹ hai bên có đứng ra hoà giải cho vợ chồng chị đồng thời chị và anh T1 cũng tự nói chuyện với nhau nhiều lần để tìm phương án khắc phục mâu thuẫn nhưng anh T1 vẫn không thay đổi nên chị về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 3/2025 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: chị và anh T1 có 02 người con chung tên Huỳnh Thanh Tr, sinh ngày 15/5/2008 và Huỳnh Tr H, sinh ngày 22/9/2012. Hiện 02 con đang sống chung với anh T1. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai khác nợ lại hai vợ chồng.

* Bị đơn – anh Huỳnh Thanh T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, đề nghị HĐXX giải quyết vụ án dân sự xem xét quyết định:

- *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thiên T đối với anh Huỳnh Thanh T1.

- *Về con chung:* Giao cháu Huỳnh Thanh Tr, sinh ngày 15/5/2008 và Huỳnh Tr H, sinh ngày 22/9/2012 cho chị Trần Thiên T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Trần Thiên T không yêu cầu anh Huỳnh Thanh T1 cấp dưỡng nuôi con. Anh Huỳnh Thanh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị Trần Thiên T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Huỳnh Thanh T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1 là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh T1 chung sống từ năm 2006, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã A, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T trình bày, anh, chị chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T1 không chung thủy, không quan tâm đến vợ con. Qua lấy lời khai ông Huỳnh Văn Th là cha ruột của anh T1 thể hiện trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh T1 có xảy ra mâu thuẫn do anh T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vì vậy, chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 3/2025 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T và chị T cũng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho anh, chị. Việc anh T1 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án chứng tỏ anh T1 không có thiện chí đoàn tụ, không còn tôn trọng và quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị T và anh T1 không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: anh, chị chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Thanh Tr, sinh ngày 15/5/2008 và Huỳnh Tr H, sinh ngày 22/9/2012, hiện đang sống chung với anh T1. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị T thấy rằng, mặc dù cháu Tr và cháu H hiện đang sống với anh T1 nhưng trước khi chị T và anh T1 sống ly thân vào tháng 3/2025 thì 02 cháu vẫn sống chung với vợ chồng. Khi vợ chồng ly thân thì chị T vẫn đi đi về về với các con. Anh T1 hiện đi làm nên thường xuyên vắng nhà và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về con chung. Ngoài ra, qua tham khảo ý kiến của cháu Tr và cháu H thể hiện 02 cháu có nguyện vọng được sống với chị T. Vì vậy, cần giao cháu Tr và cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có

quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thiên T đối với anh Huỳnh Thanh T1. Chị Trần Thiên T được ly hôn với anh Huỳnh Thanh T1.

2. Về con chung: giao cháu Huỳnh Thanh Tr, sinh ngày 15/5/2008 và Huỳnh Tr H, sinh ngày 22/9/2012 cho chị Trần Thiên T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: chị T trình bày không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về án phí: chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006046 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị T đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: chị T, anh T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Phòng thi án dân sự khu vực 12 – Tây Ninh;
- Ủy ban nhân dân phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Yến